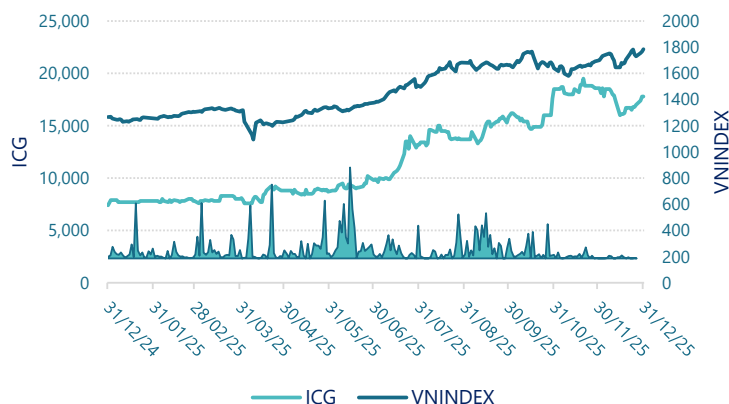


CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	19,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,400
SL cổ phiếu LH	17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	11,925
% sở hữu nước ngoài	6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	313
P/E	16.1
EPS	1,107

DT thuần

Q4/25

1.75

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 0.12 | 7.5%

YoY: ▼ 6.90 | -79.7%

LN sau thuế

Q4/25

25.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 27.8 | 1267%

YoY: ▲ 21.3 | 489%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

333%

+/- YoY: ▲ 315%

DT thuần

2025

6.55

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 6.65 | -50.4%

LN sau thuế

2025

19.4

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 19.1 | 6914%

ROE

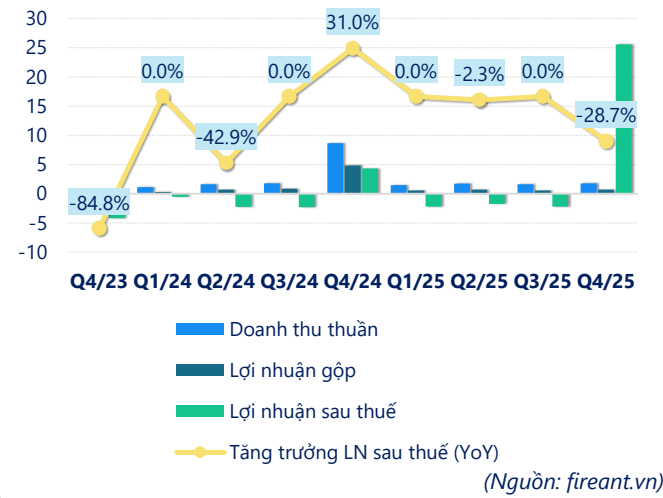
2025

6.1%

+/- YoY: ▲ 6.0%

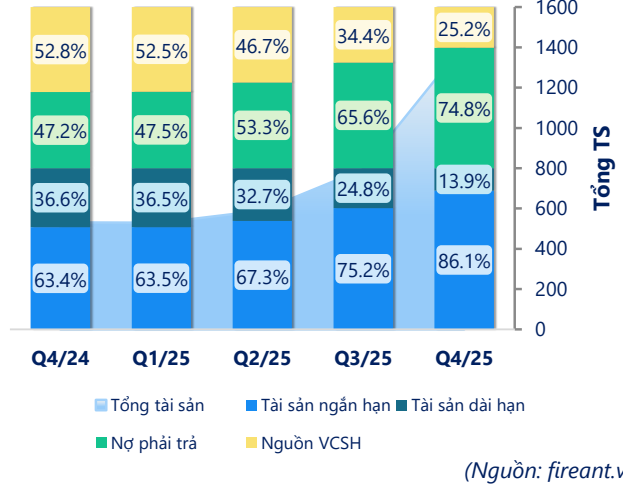
tỷ VNĐ

Kết quả kinh doanh

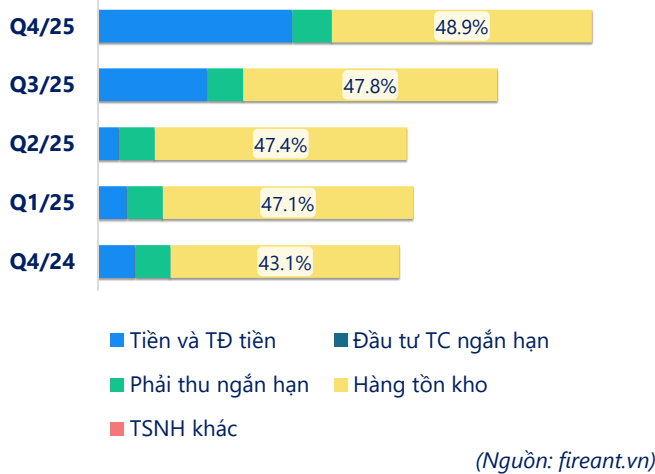


Cơ cấu Tổng tài sản

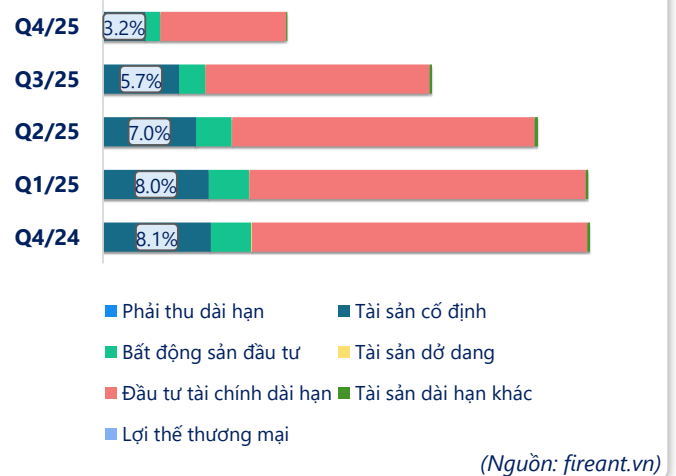
tỷ VNĐ



Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

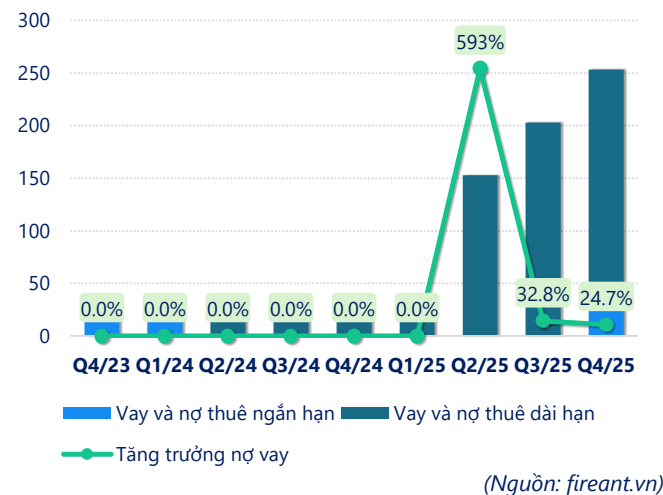


Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



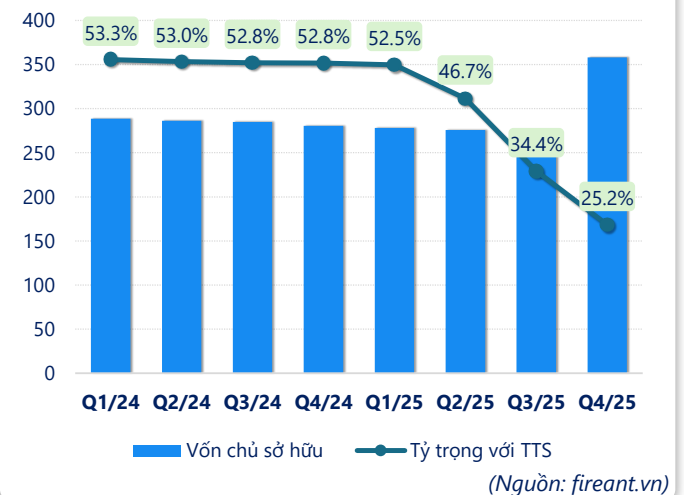
tỷ VNĐ

Nợ vay

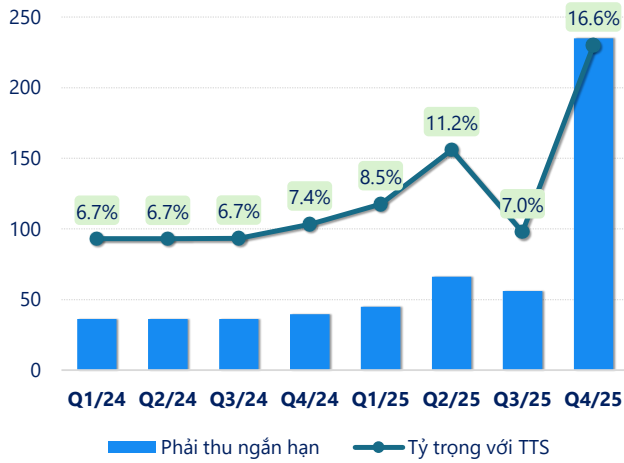


tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

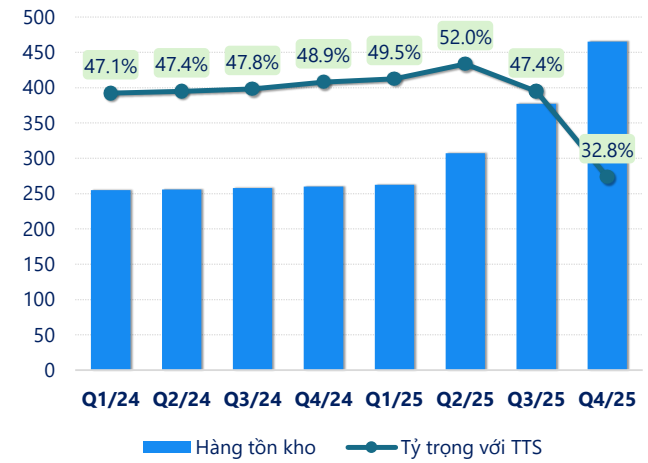


tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


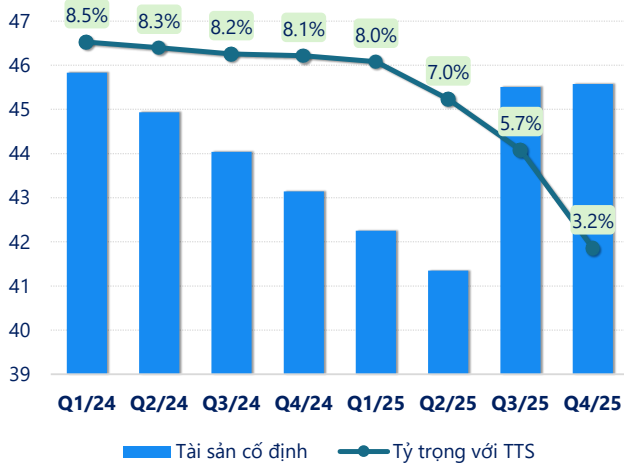
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


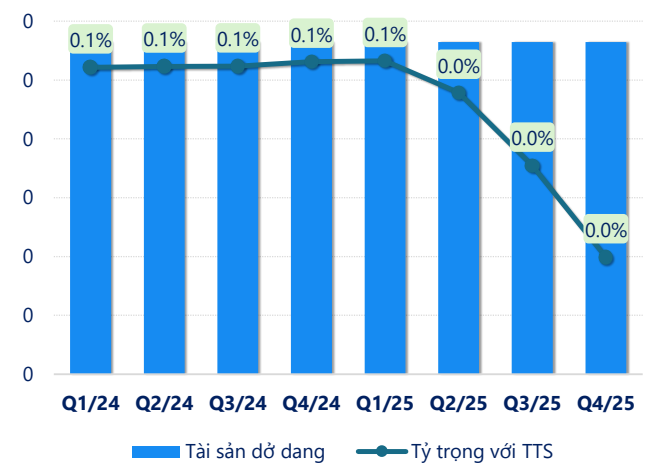
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

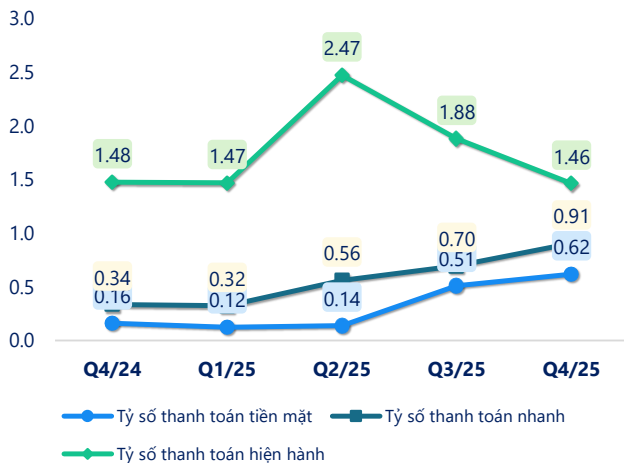
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

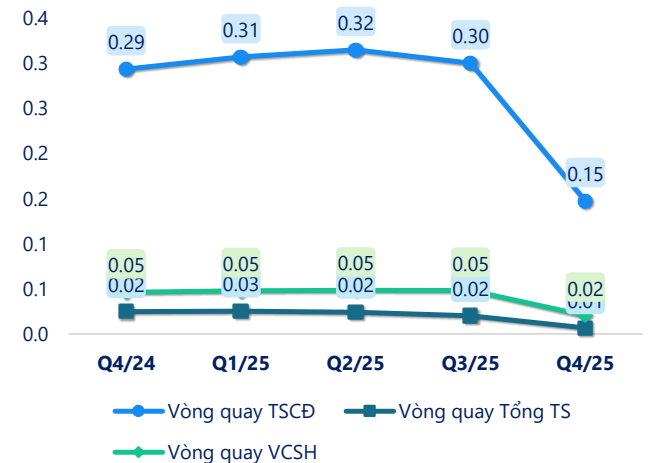
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	531	530	590	796	1,418
Tài sản ngắn hạn	337	337	397	599	1,222
Tiền và tương đương tiền	36.5	28.3	22.5	163	516
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.78	0.78	0.78	0.78	0.82
Phải thu ngắn hạn	39.5	44.9	66.2	56.0	235
Hàng tồn kho	260	262	307	377	465
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.30	0.56	2.42	4.41
Tài sản dài hạn	195	193	193	197	197
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	43.1	42.2	41.4	45.5	45.6
Bất động sản đầu tư	16.1	15.9	15.8	15.6	15.5
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.28	0.28	0.28
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	134	134	134
Tài sản dài hạn khác	1.00	0.85	1.43	1.50	1.30
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	251	252	314	522	1,060
Nợ ngắn hạn	228	229	161	319	836
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	29.0
Phải trả người bán ngắn hạn	0.44	0.44	1.79	11.8	0.98
Nợ dài hạn	22.8	22.7	153	204	225
Vay và nợ thuê dài hạn	22.1	22.1	153	203	224
Nguồn vốn chủ sở hữu	280	278	276	274	358
Vốn chủ sở hữu	280	278	276	274	358
Vốn điều lệ	200	200	200	200	200
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)